Con đường Việt Nam sao mãi loay hoay?

Huỳnh Thế Du*

TÓM TẮT

Bài viết rút ra ba vấn đề. Thứ nhất, lịch sử đã chỉ ra khi Việt Nam đóng cửa hay tiếp thu mô hình từ bên ngoài một cách máy móc và vội vã, nhất là khi bị chi phối bởi các nước khác thì dẫn đến trục trặc. Trái lại, khi biết lựa chọn và chắt lọc thì mang lại kết quả tích cực. Việt Nam vẫn đang loay hoay trong việc lựa chọn đường đi là do thiếu vắng một môi trường cho những thảo luận dân chủ, dựa vào khoa học và chưa tập hợp được trí tuệ chung cho việc này. Thứ hai, dân chủ và phát triển là cái đích hướng tới của mỗi quốc gia, nhưng vấn đề là làm thế nào để đạt được cả hai. Trong giai đoạn cất cánh, điều cần thiết đối với một quốc gia là khuyến khích nhiều người cùng chung tay để xây dựng đất nước chứ không phải là trói và canh chừng lẫn nhau. Do vậy, mô hình dân chủ với tam quyền phân lập của Montesquieu (kiểm soát quyền lực và trói lẫn nhau) thường dẫn đến trục trặc với các nước đang phát triển (đấu đá tranh giành quyền lực vì lợi ích phe nhóm thay vì lợi ích quốc gia). Chính quyền dựa vào tài năng của Aristotle có lẽ là phù hợp và thực tế hơn. Với góc nhìn này, thu hút được những người có khả năng tham gia vào việc quản trị quốc gia là một vấn đề then chốt đối với Việt Nam. Thứ ba, để có thể tập hợp trí tuệ nhằm hình dung ra con đường phát triển, Việt Nam cần tạo dựng một môi trường trao đổi dân chủ và cởi mở. Cuộc thảo luận nên xoay quanh việc thu hút tài năng nêu trên và tạm gác lại các vấn đề khó luận giải, gây chia rẽ và đối đầu.

I. Mở đầu

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là điều mà tất cả những ai mong muốn một Việt Nam phát triển đều đồng ý. Tuy nhiên, vấn đề nằm ở đường đi hay cách thức để đạt được mục tiêu. Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đã chọn "*Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"* làm kim chỉ nam. Tuy nhiên, đã gần ba thập kỷ qua, nội hàm của khái niệm này vẫn chưa được làm rõ. Vào năm 2013, người đứng đầu Đảng đã nói thật: *"Đến hết thế kỷ này không biết đã có chủ nghĩa xã hội hoàn thiện ở Việt Nam hay chưa".* Hội nghị Trung ương 5, Khóa XII, năm 2018 của ĐCSVN đã bàn thảo và ra Nghị quyết về hoàn thiện KTTT định hướng XHCN. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng chỉ viết: *"Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, có nhiều đặc điểm của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập."* Trong buổi nói chuyện tại Ban Tuyên giáo Trung ương, tháng 06/2020 vừa qua, Phó chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Phùng Hữu Phú cho biết:

* Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban biên tập và người phản biện đã có những trao đổi, góp ý hết sức quý giá cũng như đã rất kiên nhẫn để tôi có thể hoàn thiện bài viết này.

> Có lần Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp xúc cử tri, có người hỏi: Bao giờ chúng ta có chủ nghĩa xã hội? Tổng bí thư nói chúng ta chưa nghiên cứu tường minh vấn đề này, có khi trăm năm nữa cũng chưa có chủ nghĩa xã hội. Thế thì thời kỳ quá độ (lên chủ nghĩa xã hội) là bao lâu, có mấy chặng đường thì chưa rõ. Đây là vấn đề rất vướng, chưa rõ, lâu nay chưa làm được … sẽ cố gắng tập trung làm rõ trong thời gian tới (Lê Hiệp 2020).

Trên thực tế, việc luận giải KTTT định hướng XHCN nói riêng, đi tìm triết lý phát triển chính thống của Việt Nam nói chung, về cơ bản, chỉ là chuyện nội bộ của ĐCSVN (nói gọn hơn chỉ là những nhà lý luận). Các phân tích và lập luận chủ yếu đi theo hướng các lựa chọn (được đưa ra) là đúng. Cũng có khi các thảo luận được mở ra theo hướng đa chiều, bàn về ba trụ cột của xã hội gồm: Nhà nước, thị trường và xã hội dân sự. Bài viết *"Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam"* của Đỗ Hoài Nam (2013) –thành viên của Hội đồng Lý luận là một ví dụ. Tuy nhiên, sau đó ĐCSVN đã cấm bàn về XHDS.[1] Kể từ đó, điều này trở thành huý kị, trong khi những nghiên cứu trên thế giới về vai trò của trụ cột này (được hiểu rộng ra là cộng đồng, chứ không phải là thành phần bất mãn trong xã hội như cách hiểu của ĐCSVN) đang có những bước tiến rất lớn (xem Rajan 2019 và Rodrik 2018). Nó được xem là một bổ khuyết quan trọng nhằm khắc phục những khuyết tật của KTTT và trục trặc của nhà nước. Các nhà lý luận của ĐCSVN bị ràng buộc bởi những cái "vòng kim cô", không thể dựa trên các cơ sở khoa học để suy nghĩ về con đường phát triển của đất nước. Như Vũ Ngọc Hoàng (2020) đã phân tích: *"[L]ấy chính trị để bắt khoa học phải tuân theo, vì nếu vậy thì khoa học không còn là khoa học và do đó các căn cứ để quyết định nhiệm vụ chính trị không còn đứng vững và chính trị chắc chắn sẽ bị chông chênh."* Cá nhân tôi cũng đã viết bài *"Luận giải về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam"*. Kết quả cho thấy, nếu dựa vào ý thức hệ chính thống sẽ khó để luận giải vấn đề một cách tường minh, trong khi nếu tập trung vào giải nghĩa con đường để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thì có hướng ra (Huỳnh Thế Du 2013).

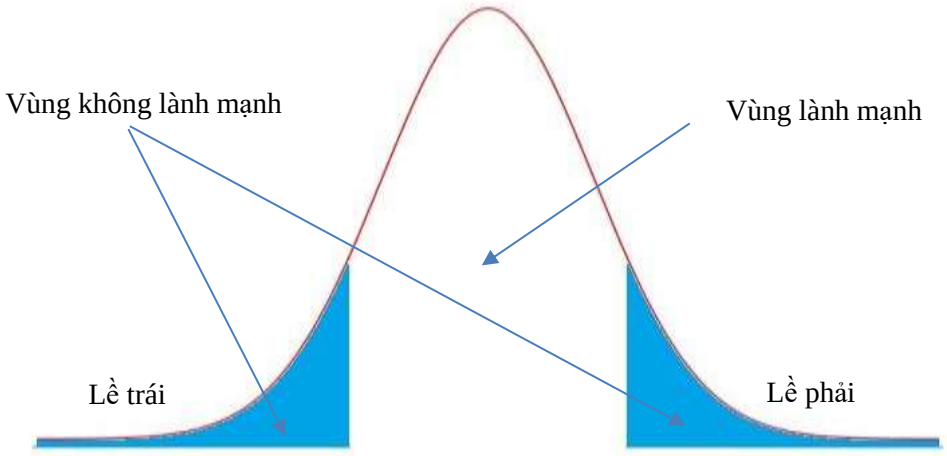
Do những vấn đề trên, văn kiện của ĐCSVN rất khó đạt được mục tiêu: "*Bác học, tiếp cận những cái mới nhất của thế giới, nhưng mà người dân hiểu được, tránh gây hiểu lầm, gây tranh cãi không cần thiết*" như người đứng đầu ĐCSVN nêu ra. Trong dự thảo văn kiện Đại hội XIII đã phải viết *"giải quyết hiệu quả, hài hòa mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội"* (Nguyễn Phú Trọng 2020), thực chất là ba trụ cột của xã hội gồm: Thị trường, nhà nước và XHDS. Tuy nhiên, do cấm XHDS nên phải thay bằng xã hội. Con mà đặt ngang hàng với mẹ (bố) thì khó mà tường minh và dễ hiểu.

Đối với những người ngoài hệ thống tham gia vào tiến trình thúc đẩy cho sự phát triển của Việt Nam, có thể chia làm hai nhóm. Nhóm theo quan điểm cực đoan, phủ nhận sạch trơn hệ thống hiện tại và chỉ nói đến những ưu điểm của mô hình dân chủ của phương Tây. Nhóm này cho rằng con đường duy nhất của Việt Nam là ngay lập tức phải đa nguyên, đa đảng và tam quyền phân lập. Đây là cách nhìn tôi e thiếu thực tế như điều tôi sẽ giải thích dưới đây. XHDS ở Việt Nam đang được gắn với nhóm này nên bị cấm đoán. Nhóm còn lại có quan điểm trung dung và khách quan hơn. Tuy nhiên, dường như số đông chỉ tập trung vào các vấn đề mang tính kỹ thuật hay giới

[1] Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15-11-2017

hạn lại trong phạm vi nhỏ hoặc bàn về các vấn đề có tính nguyên lý chung. Đa phần đều không muốn thảo luận các vấn đề cốt lõi gắn với bối cảnh thực tế của Việt Nam vì không muốn đụng đến những thứ Nhà cầm quyền không muốn nghe hoặc không chấp nhận. Lựa chọn của nhóm này như vậy là hợp lý vì mục tiêu là đưa ra những tiếng nói khách quan, có tác động nhất định chứ nói mà như gió vào nhà trống hay phản tác dụng thì nói để làm gì.

Hình 1. Không gian thảo luận về các vấn đề phát triển ở Việt Nam



Nguồn: Tác giả

Hệ quả là không gian và quá trình thảo luận các vấn đề căn bản liên quan đến sự phát triển của Việt Nam đang rất không lành mạnh. Một bên thì cố bảo vệ cái hiện hữu, trong khi bên kia thì ra sức đả phá. Chính thống đưa ra các lập luận thì bên kia chỉ tập trung vào những yếu điểm để chỉ trích (Diễm Thị 2020, Nguyễn Đình Cống 2020). Làn sóng chỉ trích bài viết nhân kỷ niệm 80 năm Ngành tuyên giáo Việt Nam của ông Vũ Ngọc Hoàng (2020) là một ví dụ. Bài viết đưa ra rất nhiều vấn đề mới gắn với thực tế có thể thảo luận, nhưng chỉ trích chỉ tập trung vào cái tiêu đề không phản ánh đúng thông điệp bài viết muốn đưa ra. Trái lại, khi bên ngoài có những góp ý thẳng thắn khó nghe thì Chính thống lại ghép đó là chống phá (Lê Hữu Nghĩa 2020; Nguyễn Văn Thạo 2020). Cuộc bút chiến đang ở hai thái cực, như hai đuôi của hình chuông với lề trái – lề phải trong Hình 1 rất khó tìm được điểm chung. Trong khi đó, những tiếng nói hữu ích lại không được lắng nghe và trí tuệ tập thể không được phát huy.

Trớ trêu thay, những người trung dung, chọn thẳng lối giữa, thực tâm muốn đóng góp lại thành "không giống ai". Hội thảo Mùa hè bắt đầu từ năm 1998 là một ví dụ. Những trí thức hàng đầu của Việt Nam ở khắp năm châu, đau đáu với vận mệnh dân tộc, sẵn sàng vận dụng tri thức và văn minh nhân loại để cùng tìm con đường Việt Nam. Vậy mà, trong hội thảo gần đây nhất, giáo sư Cao Huy Thuần (2019), người sắp bước sang tuổi 80, vẫn mong về một sự khởi đầu:

> Trong 21 năm, tôi đã mơ ước có ngày không khí chính trị thông thoáng hơn, cởi mở hơn, tin cậy hơn, mở đầu cho những thảo luận thực sự trí thức, thực sự khoa học, trong sáng như gương. Không khí chính trị ấy là bước đầu. Bước đầu không phải là để cãi nhau về nguyên tắc, học thuyết, tam quyền tứ quyền,

điều này điều nọ trong hiến pháp, cương lĩnh hay gì gì đó. Bước đầu là một thái độ văn hóa. Khoan dung là văn hóa. Chừng mực là văn hóa.

Do vậy, việc cần làm đối với Việt Nam là đưa cuộc thảo luận vào vị trí trung tâm của hình chuông nêu trên để tập hợp trí tuệ nhằm tìm ra con đường đi đến mục tiêu thay vì bị phân tán vào hai thái cực. Phần đường giữa mới là lối đi chung cho hai bên chứ không phải hai lề tả - hữu.

Bài viết tham gia vào mục tiêu trên bằng việc thảo luận hai vấn đề. Thứ nhất, *đánh giá việc tìm hiểu và áp dụng các mô hình từ bên ngoài của Việt Nam từ xưa đến nay*. Thứ hai, *trình bày một cách nhìn mới về con đường đi đến dân chủ, văn minh nhằm dung hòa hai quan điểm đối nghịch nêu trên*. Để đạt được mục tiêu, phần còn lại của bài viết được cấu trúc với hai nội dung trên, sau đó kết luận.

II. Việc tìm hiểu và áp dụng các mô hình từ bên ngoài của Việt Nam

1. Những lựa chọn của Việt Nam trong quá khứ

Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, nhưng Việt Nam đã không bị đồng hóa mà đã học hỏi được những nét tinh túy của mô hình phong kiến Trung Quốc gắn với thực tiễn của mình để có thể xây dựng một nhà nước mạnh đẩy lùi bao lần xâm lăng từ phương bắc và mở rộng bờ cõi ra phương nam. Đây là quá trình tiếp thu các tinh hoa từ bên ngoài đưa vào ứng dụng và có thể thích nghi. Sức mạnh của dân tộc đã được phát huy một cách cao độ trong những thời điểm chiến tranh. Những nghiên cứu so sánh Việt Nam với một số nước trong khu vực của các học giả và quan sát của một số người như: Buttinger (1968), Cima (2002), Doumer (2016) Duiker (1995) và Largo (2002) đã chỉ ra rằng một nguyên nhân quan trọng làm cho các nhà buôn từ châu Âu không thể bám rễ ở Việt Nam cho dù họ đã có mặt ở đó từ thế kỷ XVI là do Việt Nam có một bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ với đội ngũ quan lại có năng lực và biết cách điều hành quốc gia. Vào Việt Nam không thể dễ dàng như các nước đông nam Á khác.[2] Lịch sử đã dạy cho Dân tộc Việt Nam một cách tiếp cận hết sức thực tế gồm: (i) Linh hoạt để tránh các cuộc chiến tranh; (ii) Mạnh mẽ và đoàn kết trong những lúc chiến tranh; (iii) Thích nghi để có thể tồn tại, nhưng tính kháng cự cũng rất cao để tránh bị đồng hóa.

Việc tiếp thu những tinh hoa của mô hình nhà nước phong kiến của Trung Quốc và có những đối sách mềm mỏng với nước này đã giúp cho các chế độ phong kiến tập quyền ở Việt Nam tồn tại, phát triển gần 900 năm và để lại bờ cõi như ngày hôm nay (Nguyễn Khắc Viện 2007). Tuy nhiên, việc quá tin tưởng vào Trung Quốc và thiếu sự nhạy bén

[2] Đây là vấn đề có các quan điểm khác nhau. Người phản biện (review) bài viết này đưa ra một góc nhìn lý thú, tôi xin trích lại đây. *"Tôi cho rằng, điều này rút cục chưa hẳn là tốt. Lý do của sự "đóng kín" là tính "bài ngoại" của người Việt, như Phan Châu Trinh từng nhận xét. Kèm theo đó là tính tự cao về văn hóa nho giáo của mình, cho rằng các dân tộc phương Tây là "mọi", không xứng đáng bang giao. Vua quan Việt Nam tự giam mình trong ảo tưởng văn hóa. Nhật Bản một lần cũng như thế, từ đầu thế kỷ 17 cho đến lúc mở cửa 1868, nhưng họ có giới Lan học tìm tòi học hỏi khoa học, y khoa phương Tây. Giới này, vốn thấm nhuần Khổng học và Trung Hoa học, còn hơn cả Việt Nam, tò mò hiểu biết cái mới, nên dần dần nhận ra sự ưu việt của khoa học và y khoa của phương Tây so với Trung Quốc. Cho nên tính hiếu học cái mới ngay từ bị liệt kê là kẻ thù "barbarian" là rất quan trọng để tự mở cánh cửa nhận thức bên trong. Việt Nam có lẽ không có những yếu tố tương tự. Người Nhật cho rằng họ đã học Trung Quốc một nghìn năm, thì nay nếu họ quay sang học phương Tây thì cũng là lẽ tự nhiên. Họ biết không học sẽ là vô minh, ngu dốt. Trong khi đó, Việt Nam chỉ biết bám vào Trung Hoa học."*

với sự thay đổi và xu thế của thế giới đã làm cho Việt Nam phải trả giá đắt. Như Trần Trọng Kim (1919) đã nêu trong *"Việt Nam Sử lược"* rằng khi mà Triều đình Nhà Thanh đã rất suy yếu, phải nhượng bộ các nước phương tây thì Triều Nguyễn vẫn sang cầu viện họ gửi quân để chống lại người Pháp. Thêm vào đó, những tiếng nói đã cấp tiến bị bác vì sự thủ cựu bị đóng khung trong cái ý thức hệ Trung Quốc là số 1 còn các dân tộc khác là man di, mọi rợ.

Trên thực tế, trước khi dùng giải pháp quân sự, người Pháp cũng như một số nước khác đã đến các quốc gia đề xuất thiết lập quan hệ ngoại giao, cho phép họ buôn bán (Buttinger 1968; Cima 2002; Duiker 1995; Largo 2002). Tuy nhiên, trong khi Minh Trị Thiên Hoàng chấp nhận mở cửa và tiếp thu văn minh phương Tây với kết quả là tạo được nền tảng cho một nước Nhật mới và phát triển như ngày nay thì Triều Nguyễn lại vẫn hướng về Trung Quốc, đóng cửa, đàn áp việc truyền bá tư tưởng phương Tây. Hậu quả là Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp trong hơn 80 năm. Đây quả là một cơ hội mất đi rất đáng tiếc. Tuy nhiên, mở cửa có thể chỉ là một điều kiện cần cho thành công, vì như Thái Lan cũng đã lựa chọn như Nhật Bản, nhưng mức độ thành công khá hạn chế.

Việt Nam đã phải trả giá đắt cho niềm tin nhất thời lệ thuộc vào tình huống lịch sử, sự bám víu vào những mô hình bên ngoài không còn hợp thời khi lịch sử đi qua. Mô hình XHCN, từ cải cách ruộng đất, nhân văn giai phẩm cho đến đánh tư sản sau 1975 đã gây ra những hậu quả kinh tế xã hội tai hại đến ngày nay như được phân tích ở các phần tiếp theo.

Ở thái cực ngược lại, việc áp dụng vội vã và rập khuôn mô hình dân chủ kiểu Mỹ ở niềm Nam cũng không thành công. Đối nghịch với Hàn Quốc như phân tích ở phần sau, các tướng lĩnh ở miền Nam với sự bật đèn xanh của Mỹ đã lật đổ chế độ được xem là độc tài, gia đình trị Ngô Đình Diệm (Miller 2013) để áp dụng mô hình dân chủ với ảnh hưởng rất lớn của Mỹ. Lịch sử của Việt Nam là lịch sử của chiến tranh, chưa có giai đoạn nào phát triển rực rỡ tạo ra sự cởi mở của xã hội và môi trường cho dân chủ nảy nở. Lúc chiến tranh cần phải quyết đoán nên không có nhiều không gian cho thảo luận dân chủ. Điều hành gia trưởng thường được chọn trong quá khứ. Do vậy, khi đem áp dụng những mô hình từ bên ngoài một cách vội vã, thiếu cân nhắc đã gặp trục trặc. Cũng có thể lập luận rằng việc áp dụng mô hình dân chủ kiểu Mỹ vào thời điểm chiến tranh là không phù hợp. Tuy nhiên, trường hợp của Philippin cho thấy lý do có thể sâu xa hơn. Quốc đảo này đã cố gắng xây dựng mô hình dân chủ kiểu Mỹ trong thời bình hơn 70 năm, nhưng kết quả đạt được còn xa mới như kỳ vọng.

Cả hai tình huống nêu trên, Việt Nam đã phải chịu áp lực hay tác động rất nhiều từ các nước khác và trục trặc đã xảy ra. Trái lại, tự mày mò lựa chọn, không bị chi phối trực tiếp của các nước lớn như từ khi *Đổi mới* đến nay đã đem lại những thành tựu về phát triển. Cách tiếp cận trong giai đoạn *Đổi mới* có nhiều điểm giống với giai đoạn hưng thịnh của các triều đại phong kiến trước đây. Áp lực từ bên ngoài vẫn có, nhưng các triều đại phong kiến vẫn có không gian để đưa ra những quyết sách hợp lý, nếu gặp được minh quân. Tuy nhiên, ở đó vẫn không có các thảo luận trái chiều, bề tôi chỉ được minh họa hay thực thi các ý chỉ của vua mà thôi. Thấy vua không đúng, góp ý cũng phải rất khéo vì dễ bay đầu như chơi.

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng sở dĩ ĐCSVN đã lãnh đạo và tạo ra những thành công, nhất là trong giai đoạn chiến tranh là nhờ biết chắt lọc những tinh hoa, những vốn quý của dân tộc trong việc tổ chức bộ máy, chiến tranh nhân dân… được kết tinh qua lịch sử hàng nghìn năm (xem Duiker 1995; Nguyễn Khắc Viện 2007; Nguyễn Thị Liên Hằng 2012; Vũ Tường 2017). Tuy nhiên, việc lâu dài chỉ dành quyền ưu tiên cho một thiểu số như các triều đại phong kiến, hoặc giữ nguyên ý thức hệ cứng nhắc như ngày nay, thì khả năng gặp phải trục trặc là rất cao trong một thế giới luôn luôn biến động dữ dội. Thêm vào đó, trong lịch sử Việt Nam, chính quyền sau làm mọi cách để phủ nhận và xóa bỏ những thành tựu của chính quyền trước nên tính kế thừa rất ít. Như nhạc sỹ Dương Thụ đã từng nhận xét trong một lần thảo luận với tác giả là trong lịch sử Việt Nam "cây cầu trí thức" luôn bị chặt gãy.

Các thế hệ Việt Nam sau chiến tranh trong khi đi tìm đường phát triển đã bỏ qua không học con đường cụ Phan Chu Trinh vạch ra từ trước về "dân trí, dân khí, dân sinh". Nếu học được và vận dụng tư tưởng của cụ Phan từ đầu *Đổi mới* thì khả năng thành công sẽ căn cơ hơn nhiều và đỡ vấp phải những thách thức ngày nay đang phải đối mặt. Lấy Nhật Bản làm ví dụ, ngay từ lúc những người đổi mới của Nhật Bản Minh Trị lên cầm quyền, họ đã chủ trương ngay tức khắc "*đi tìm tri thức khắp thế giới để mở rộng và tăng cường quyền lực của đế chế*" như được ghi trong *Năm điều ước* được ban hành liền, mà không có những rào cản ý thức hệ nào cả. Vì tri thức để dựng nước không có ý thức hệ. Họ không cần phải nghĩ ra cái gì khác để đối đầu với văn minh phương Tây mà họ đã thấy là ưu việt. Họ phải tiếp thu, dĩ nhiên với đầu óc hết sức chọn lọc cho phù hợp với điều kiện của xã hội.[3]

Việt Nam cũng chưa tạo được khả năng thu hút trí tuệ của người Việt ở nước ngoài để giúp phát triển. Tinh thần hòa hợp dân tộc chưa được như mong đợi hay được chủ trương trên giấy mực, mọi ứng xử với kiều bào ở nước ngoài phần nhiều là chưa thực chất và nhà nước nhằm vào thu hút vốn tư bản là chính, chứ không phải vốn trí tuệ và sự kết nối với thế giới bên ngoài. Hội thảo Mùa hè như nêu ở phần sau là một ví dụ. Đó là một cái nhìn phiến diện và một mất mát lớn. Việt Nam chưa có được những nền tảng của vốn xã hội dồi dào như Trần Hữu Dũng (2006) và những người khác đã phân tích.

Việt Nam cũng chưa tận dụng được một cách hiệu quả sự hỗ trợ từ bên ngoài về tri thức, kinh nghiệm, kể cả tài chính cho cải cách và phát triển. ODA rất lớn, nhưng chủ yếu tập trung cho cơ sở hạ tầng cứng, còn những sự hỗ trợ kỹ thuật, có tính chiến lược cho cải cách, xây dựng năng lực từ nhiều nguồn đa dạng lại chưa được quan tâm và khai thác tốt. Lẽ ra những nguồn đó có thể giúp Việt Nam vừa không bị phụ thuộc vào riêng ai vừa hấp thụ được rất nhiều bài học hay và tránh những sai lầm mà các nước khác đã vấp phải trong quá trình phát triển, để tạo nên năng lực cần thiết cho chính mình để giải quyết những vấn đề của chính mình.

2. Loay hoay lựa chọn đường đi trong cái vòng kim cô của ý thức hệ

Có quan điểm đổ lỗi cho việc chọn đi theo con đường XHCN của những nhà cách mạng Việt Nam đã đưa đất nước vào thế khó khăn, giờ phải quay ra làm lại từ đầu, với nhiều hệ lụy của nó. Tuy nhiên, nhìn lại bối cảnh lúc đó sẽ thấy rằng những người đi làm

[3] Ví dụ về Nhật Bản là từ người phản biện. Tôi xin đưa vào bài để làm rõ ý muốn nêu ra.

cách mạng đã chọn điều mà lý trí và con tim mách bảo. Cố giáo sư Đặng Phong (2008) phân tích:

> Nếu nói đến nền tảng và cốt lõi của những niềm xác tín đó thì phải kể đến hoàn cảnh lịch sử, thậm chí là những tất yếu lịch sử…ít nhất là từ đầu thế kỷ XX. Khi ấy, Việt Nam còn dưới ách thống trị nghiệt ngã của thực dân Pháp…nhiều lực lượng khác nhau đã tìm cách lật đổ ách thống trị…nhưng đều thất bại… sau cùng, chỉ có một cánh cửa duy nhất mở ra một khung trời hoàn toàn mới, đầy sức thuyết phục và quyến rũ, vì sau cánh cửa đó không xa là một chế độ mà nhiều nhà cách mạng đặt tên là *mùa xuân của nhân loại* – đó là CNXH. Đối với lớp lớp thế hệ đầu xanh tuổi trẻ những năm 20-30, CNXH là con đường đúng cả về lý trí lẫn tình cảm, không những giải phóng được dân tộc, mà còn đưa dân tộc tới ấm no hạnh phúc.

Ước mơ vào thời điểm đó là màu hồng, nhưng thực tế lâu dài lại tỏ ra không hẳn là màu hồng nữa như lúc ban đầu nghĩ. Mơ ước và Sự thật đôi khi vênh nhau. Vào năm 1975, những trục trặc của mô hình kinh tế kế hoạch đã bộc lộ ở miền Bắc, nhưng do quán tính của sự duy ý chí đang rất lớn và không khí quy chụp trong phe XHCN lúc đó (ví dụ như trường hợp của Tiệp Khắc mà Vũ Ngọc Hoàng (2017) đã nhắc đến). Ngay Tổng bí thư Lê Duẩn cũng chỉ nói là vận dụng các nguyên lý một cách sai lầm trong phát biểu vào tháng 08/1975 khi trao đổi về việc lựa chọn mô hình kinh tế cho miền Nam:

> Thực ra chúng ta không thống nhất lắm đâu…chúng ta đã mắc phải những sai lầm do chúng ta vận dụng các nguyên tắc một cách sai lầm. Nếu chúng ta tiếp tục áp dụng các nguyên tắc vào miền Nam một cách sai lầm thì sẽ có nhiều sai lầm hơn.

Đã có những tranh luận tại Hội nghị Trung ương 24, Khóa III, tháng 9/1975 và các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được giữ lại. Tuy nhiên, đến Đại hội IV năm 1976 thì quyết định lại là "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên XHCN". Sau đó tiến trình cải tạo công thương nghiệp bị chậm lại khi ông Nguyễn Văn Linh làm Trưởng ban, nhưng lại được đẩy mạnh khi ông Đỗ Mười lên thay (Đặng Phong 2008, 2009).

Cải cách ở Việt Nam trong mấy chục năm qua là tiến trình dích-dắc tiến – lùi, vừa đi vừa "mày mò" và những cách nhìn chủ quan, duy ý chí vẫn tồn tại một cách dai dẳng trong ý thức hệ phải là CNXH, công hữu về tư liệu sản xuất và kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo, trong khi những điều này đã và đang cản trở rất lớn con đường đi đến hạnh phúc ấm no của cả dân tộc. Những cải cách hay gọi là "xé rào" chỉ được triển khai khi không còn đường lùi hay tiến nữa, nhưng quan điểm chính thống lại cho rằng giải pháp chỉ là tình thế, những khó khăn chỉ làm tạm thời còn ý thức hệ và con đường đã chọn là vẫn đúng đắn như nhận định của giáo sư Dwight Perkins (2013), người đã nghiên cứu về Trung Quốc và Việt Nam từ thập niên 1960.

Việc tập trung tháo gỡ khó khăn chỉ thay thế việc cải tạo XHCN tại Trung ương 6, Khóa IV năm 1979 khi mà tình hình đã quá khó khăn. Đổi mới chỉ được chấp nhận khi không còn con đường nào khác trước mặt. Ngay cả khi đã quyết định cải cách thì *Khoán 10* năm 1989 chỉ được ban hành khi đã có người chết đói (Thái Duy, 2008). Hiệp định Thương mại Việt Mỹ đã thương thảo xong nhưng phải lùi lại (Vũ Thành Tự

Anh, 2017). Vừa muốn thúc đẩy kinh tế tư nhân nhưng mặt khác vừa muốn kéo cương kìm hãm, trong khi kinh tế nhà nước với các trục trặc, yếu kém vẫn được tin yêu và tiếp tục trao cho vai trò chủ đạo. Đến khi không còn đường nào khác thì sau Đại hội XI mới phải chuyển từ mục tiêu tăng trưởng sang mục tiêu ổn định vĩ mô và cải thiện môi trường kinh doanh. Gần đây nhất là việc cấm những thảo luận về XHDS mà tôi cho rằng nguyên nhân là do không hiểu đúng về nó như đối với KTTT trước năm 1986.

3. Đi dây và những hệ lụy

Quá trình cải cách của Việt Nam giống như đánh du kích – một khả năng nổi trội của dân tộc Việt đã được tôi luyện qua hàng nghìn năm lịch sử vì phải chống lại với lực lượng ngoại xâm có số quân và khí tài mạnh hơn chúng ta rất nhiều lần. Như cố giáo sư Đặng Phong đã nêu trong "*Tư duy Kinh tế Việt Nam"* về cách học nghị quyết là chỉ tập trung vào những điểm mới được cất giấu rất khéo trong đó. Ở bối cảnh dễ bị quy chụp là làm trái chủ trương đường lối, những tư tưởng tiến bộ đã phải "đi dây" khéo léo để lồng ý vào quan điểm chính thống hoặc dẫn sự việc đến tình thế buộc phải hành động. Những lần đẩy kéo, những lần kinh nhiệm thực tiễn, các bài học về quá trình "đổi mới lén lút" này có thể tìm thấy ở rất nhiều nơi như: những bài viết trong *"Đổi mới ở Việt Nam: Nhớ lại và suy ngẫm"* do Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn (2008) chủ biên và do chính những người trực tiếp tham gia vào quá trình như Trần Việt Phương, Nguyễn Thị Hiền, Phạm Chi Lan, Trần Đức Nguyên, Đào Xuân Sâm, Vũ Quốc Tuấn, Nguyễn Thiệu … đã kể lại, những câu chuyện của *"Nhóm thứ Sáu"* ở niềm Nam (Phạm Vũ 2013) bên cạnh những nghiên cứu của cố giáo sư Đặng Phong và nhiều người khác.

Để thúc đẩy tiến trình, tránh đêm dài lắm mộng trong một môi trường rất rủi ro, những người chủ trương cải cách cũng chỉ muốn những ý kiến ủng hộ ý tưởng được đưa ra chứ không muốn những cách nhìn khác/trái với sáng kiến được nêu ra. Thôi cứ tập trung để đạt mục tiêu cái đã, còn gì thì tính sau chứ không khéo lại sôi hỏng bỏng không.

Tôi đã có một trải nghiệm thực tế là cách đây hơn chục năm, trong một buổi thảo luận về những khó khăn và thách thức của nền kinh tế Việt Nam, tôi nói rằng khả năng cao là GDP của Việt Nam đang được tính thấp hơn đáng kể so với thực tế. Có người rỉ tai ngay: *"Ấy chết, đừng nói thế vì Chính phủ thấy đang làm tốt lại không muốn hay không có áp lực cải cách nữa."* Mục tiêu là muốn cho mọi chuyện tốt lên trong bối cảnh các ý tưởng mới rất dễ bị vùi dập ngay từ đầu. Do vậy, cần phải làm cho những người có quyền quyết định thấy vấn đề đang rất nghiêm trọng, cần phải hành động. Đây là cách tiếp cận thực tế trong môi trường với nguyên tắc chung là: *"Điều 1: Quan điểm, chủ trương và lựa chọn là đúng. Điều 2: Nếu sai, xem lại Điều 1."*

Sẽ là húy kỵ nếu bàn những vấn đề đi ngược lại chủ trương đường lối chính thống. Do vậy, các ý tưởng cải cách thường xuyên không được thảo luận một cách thấu đáo mà cứ phải thậm thà, thậm thụt và dấm dúi làm. Hệ lụy của nó là những khía cạnh khác không được phân tích thấu đáo. Cho dù vấn đề trước mắt có thể được tạm thời giải quyết, nhưng những trục trặc khác lại nảy sinh để rồi lại phải quay lại một tiến trình y như trên.

Cách tiếp cận nêu trên cùng với quan điểm chính thống "chỉ được đúng" đã tạo ra một hệ lụy rất không hay là cách nghĩ "hoặc là… hoặc là…" có tính loại trừ nhau như một lần tôi đã được nghe nhà văn Nguyên Ngọc nói đến và nhớ mãi, thay vì "vừa là … vừa là…" có tính dung hòa như ở các xã hội có tính khoan dung. Chính tư tưởng "hoặc là… hoặc là…" này đang tạo ra môi trường rất không lành mạnh và hay quy chụp trong thảo luận, thay vì có lý lẽ và quan điểm rõ ràng trên nguyên tắc tôn trọng sự khác biệt. Nếu không thì không còn gì là thảo luận, dân chủ tối thiểu, tính khoa học và không còn gì là phép biện chứng.

4. Những nỗ lực chưa được chú ý

Tổ quốc luôn là thứ thiêng liêng trong mỗi một con người, đặc biệt là những người có tri thức. Bao thế hệ người Việt đã ra nước ngoài ở những bối cảnh khác nhau (kể cả những trớ trêu của lịch sử) nhưng vẫn nặng lòng với tổ quốc. Do vậy, rất nhiều người đã gác qua nhiều thứ để có những đóng góp với khả năng của mình. Có thể kể đến rất nhiều các hoạt động khác nhau. Hội thảo Mùa hè là một ví dụ. Đây có lẽ là diễn đàn tập hợp được đông đảo nhất những trí thức hàng đầu từ ngoài nước và trong nước cùng quan tâm đến các vấn đề phát triển của Việt Nam.

Cái tâm, sự chính trực cùng với những tâm huyết và trăn trở của những trí thức người Việt được thể hiện rất rõ qua 21 lần hội thảo (chỉ có hai lần được tổ chức trong nước vào năm 2005 và 2008) và 38 số xuất bản của Tạp chí Thời đại mới. Những vấn đề hết sức căn bản đã được bàn đến là rất đáng tham khảo cho Việt Nam. Thái độ và cách ứng xử của những người tổ chức và tham gia diễn đàn này có thể gói gọn trong hai chữ *"chừng mực"* mà giáo sư Cao Huy Thuần chọn làm tiêu đề cho tham luận của mình trong Hội thảo năm 2019. Cách tiếp cận và lựa chọn các vấn đề đã được cân nhắc phù hợp với bối cảnh và sự phát triển của nhận thức. Ông viết: *"[C]hưa bao giờ tôi động đến cái chữ "tam quyền phân lập", chẳng phải vì nó là ta-bu, mà vì tôi nghĩ là hãy còn quá sớm để đi vào chi tiết cụ thể khi điều kiện chưa hội đủ, đầu óc chưa sẵn sàng để bước... ngay cả cái bước đầu tiên."* Tâm trạng, của những trí thức ở nước ngoài khi trở về thảo luận những vấn đề liên quan đến sự phát triển của đất nước thể hiện rất rõ trong lời mở đầu bài nói chuyện của giáo sư Cao Huy Thuần (2005) tại Hội thảo đầu tiên được tổ chức trong nước:

> Các anh chị thân mến, từ nhiều năm nay tôi vẫn tin chắc rằng thế nào cũng có ngày Hội Thảo của chúng ta được tổ chức ở trong nước. Điều mà tôi không ngờ là lần đầu tiên chúng ta về nước hội thảo lại là về Đà Nẵng, chứ không phải Hà Nội. Hà Nội hay Đà Nẵng đều là quê hương cả, nhưng đặt chân lên đất Quảng Nam này, tôi không khỏi choáng ngợp với hình ảnh vó ngựa của Nguyễn Hoàng. Được nói chuyện với nhau trên miếng đất đã mở ra Nam Tiến, ai mà không sảng khoái! Đã sảng khoái, tại sao không lấy Nam Tiến làm hứng?

Đáng tiếc thay, tâm huyết như vậy lại bị xem là lạc lõng với cách phân định hai lề phải –trái cứng nhắc hiện nay. Nhìn những nơi thành công trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Singapore sẽ thấy đây là một sự *lãng phí nguồn lực*, đặc biệt là trí tuệ cao rất lớn của Việt Nam. Việt Nam đang thiếu cái không khí trao đổi và tranh luận sôi nổi của đội ngũ trí thức, nhất là các vấn đề phát triển của đất nước, thiếu tính khoan dung, và lắng nghe cần thiết.

III. Một cách nhìn mới về con đường đi đến dân chủ, văn minh

Tiếp nối thảo luận của giáo sư Cao Huy Thuần (2019) trong *"Chừng mực"* về nhìn nhận/ngộ nhận một số vấn đề được xem là nhạy cảm trong thảo luận về con đường phát triển của Việt Nam, nhất là mô hình dân chủ gắn với tam quyền phân lập của Montesquieu, tôi xin trình bày một cách nhìn mới mà không nhất thiết phải đụng đến những vấn đề gây chia rẽ và bế tắc.

1. Trở về với ông tổ đầu tiên

Cái danh từ ấy [tam quyền phân lập], giáo sư Cao Huy Thuần viết, là "con ngoáo ộp" không đáng sợ, vì nó không có! Chính thống đang rất dị ứng với *cái danh từ ấy* và những vấn đề liên quan. Do vậy, để có thể tạo ra một không khí thảo luận tích cực trên tinh thần xây dựng, lựa chọn hợp lý là không nên nhắc đến *con ngáo ộp* không có.

Montesquieu - ông tổ thứ hai (theo lời giáo sư Cao Huy Thuần) là người đưa ra khái niệm *tam quyền phân lập*. Mục tiêu chính của thiết chế này là để ngăn chặn quyền lực hay nói chính xác hơn là ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực của những người nắm quyền. Quan điểm này được củng cố và trở nên rất mạnh từ giữa thế kỷ 20 với sự ra đời của nhánh nghiên cứu chính thống về lựa chọn công hay hành động tập thể trong kinh tế học (xem Buchanan and Tullock 1962; Hardin 1968; Olson 1965). Cho rằng con người vì mình, cách nhìn dòng chính của trường phái này được thể hiện qua kết luận nổi tiếng của Mancur Olson rằng: *"Các cá nhân duy lý và vì mình sẽ không hành động để đạt được lợi ích chung."* Do vậy, các thiết chế được thiết lập ra để hạn chế sự làm bậy của những người nắm giữ quyền lực. Tam quyền phân lập là để trói chứ không phải để khuyến khích làm trong khu vực công, nhất là những thứ chưa được quy định.

Trên thực tế, các nước đang phát triển áp dụng mô hình dân chủ Montesquieu khi mức sống người dân còn thấp đều không thành công. Trái lại, một số nước có được sự thành công là nhờ giai đoạn theo chế độ thiểu số cai trị, thu hút được người tài tham gia quản trị quốc gia. Điều các nước đang phát triển cần là khuyến khích làm để tạo ra của cải cho xã hội chứ không phải ngược lại. Tuy nhiên, những trục trặc với mô hình của Montesquieu chỉ được chú ý khi chúng xảy ra gần đây ở các nước phát triển, nhất là nơi được xem là pháo đài của nó – nước Mỹ.

Dựa vào những lập luận của ông tổ thứ nhất – Aristotle cho rằng nền tảng của một nhà nước tốt (vì lợi ích chung) là khả năng thu hút và tập hợp được những người tài năng và đức hạnh; và nhánh còn lại trong trường phái lựa chọn công với lập luận các cá nhân duy lý và vì mình vẫn có thể đưa ra những quyết định tốt cho cái chung (xem Ostrom 1965; Peterson 1981, 1995) có thể thấy một tiếp cận phù hợp hơn.

Aristotle dựa vào hai tiêu chí: số người tham gia cai trị (một, một số và số đông); và hai cực tốt (vì lợi ích chung hay vì dân) - xấu (vì lợi ích của kẻ cai trị) để chia ra 6 mô hình nhà nước. Ba cặp (tốt - xấu) gồm: quân chủ - bạo chúa (mornachy - tyranny), quý tộc - quả đầu (elite - oligarchy), dân chủ - số đông (democracy - polity). Chính quyền tốt nhất, theo Aristotle, là chính quyền trong đó mọi người, bất kể là ai đều có thể sinh hoạt theo đúng khả năng cao nhất của họ và sống một đời sống hạnh phúc.

Những chính quyền quan tâm đến phúc lợi chung của mọi người dân là những chính quyền được thiết lập đúng theo công lý, hiểu theo nghĩa nghiêm nhặt nhất, và đó là những chính quyền đúng đắn, còn những loại chính quyền nào chỉ lo quyền lợi của kẻ cai trị là những loại chính quyền đầy rẫy khuyết điểm và bại hoại.

Mô hình lý tưởng của Aristotle là số đông cai trị quốc gia và những người cai trị phải đức hạnh (đặt lợi ích chung trên lợi ích riêng). Tuy nhiên, ông tập trung chủ yếu vào hai mô hình phổ biến trong thực tế với những khiếm khuyết (do giới cai trị chỉ vì lợi ích của mình) là dân chủ (số đông cai trị) và quả đầu (thiểu số cai trị). [4] Nhìn từ lăng kính ngày nay, dân chủ là chế độ theo phổ thông đầu phiếu để chọn người có số phiếu cao nhất, thiểu số cai trị là chế độ mà ở đó xã hội được lãnh đạo bởi một nhóm nhỏ và mỗi người cần phải thỏa mãn những điều kiện hay có những "tài sản" nhất định để có thể được chọn vào một vị trí nào đó trong hệ thống.

Ví dụ, ở Mỹ, bất kỳ ai (luật sư, doanh nhân, diễn viên điện ảnh, hay chính trị gia lão luyện…) đều có thể trở thành Tổng thống qua một quá trình cạnh tranh và thu hút phiếu bầu của cử tri. Trái lại, lựa chọn lãnh đạo tối cao của Singapore, về cơ bản, là chuyện nội bộ của Đảng Nhân dân Hành động (PAP). Người được chọn phải có bề dày và thành tích hoạt động qua quá trình phấn đấu và cạnh tranh trong Đảng. Việt Nam đang thuộc mô hình thiểu số cai trị.

Aristotle cũng chỉ ra sự dịch chuyển qua lại của hai mô hình và những vấn đề của dân túy. Trên thực tế, không có chế độ dân chủ hay thiểu số cai trị thuần túy. Ví dụ, Mỹ cũng có nhiều yếu tố thiểu số cai trị và sự dịch chuyển từ dân chủ sang thiểu số cai trị trong thời gian gần đây (Winters and Page 2009). Trái lại, Singapore cũng có nhiều yếu tố dân chủ và tiến trình từ thiểu số cai trị chuyển sang dân chủ đang rất mạnh.

Có sự mâu thuẫn trong nhìn nhận thực tế và thiết kế mô hình nhà nước của Aristotle. Ông chỉ ra rằng: *"Mọi người chủ yếu nghĩ cho mình mà thôi, hiếm khi nghĩ cho cái chung."* Tuy nhiên, các mô hình chính quyền tốt của ông lại được vận hành bởi những người tài năng và đức hạnh – điều chưa xảy ra trong thực tế (ít nhất là cho đến thời điểm hiện tại). Tiếp cận nhánh lý thuyết lựa chọn công duy lý với Elinor Ostrom là tiên phong gần với quan sát của Aristotle và thực tế hơn. Bà cho rằng: *"Các cá nhân đeo đuổi các mục tiêu cá nhân cũng quan tâm đến các giá trị chung."* Nói cách khách là sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân (kẻ cai trị) và lợi ích chung. Do vậy, cách tạo dựng các thể chế là nhằm gia tăng phần quan tâm (phần *hiếm* trong lập luận của Aristotle) đến lợi ích chung khi các cá nhân đeo đuổi các mục tiêu riêng của mình.

2. Thế giới ngày nay và sự dịch chuyển giữa dân chủ và thiểu số cai trị

Tất cả các nước thành công và trở nên phát triển trên thế giới hiện nay đều dựa trên nền tảng kinh tế thị trường và hầu hết đều được xếp hạng dân chủ cao. Tuy nhiên, đó chỉ là những kết quả cuối cùng. Chưa có bằng chứng thuyết phục về mối quan hệ nhân quả dân chủ dẫn đến phát triển. Daron Acemoglu (có lẽ là học giả nổi tiếng nhất thế giới về dân chủ và phát triển hiện nay) đã dành cả sự nghiệp tìm hiểu về vấn đề

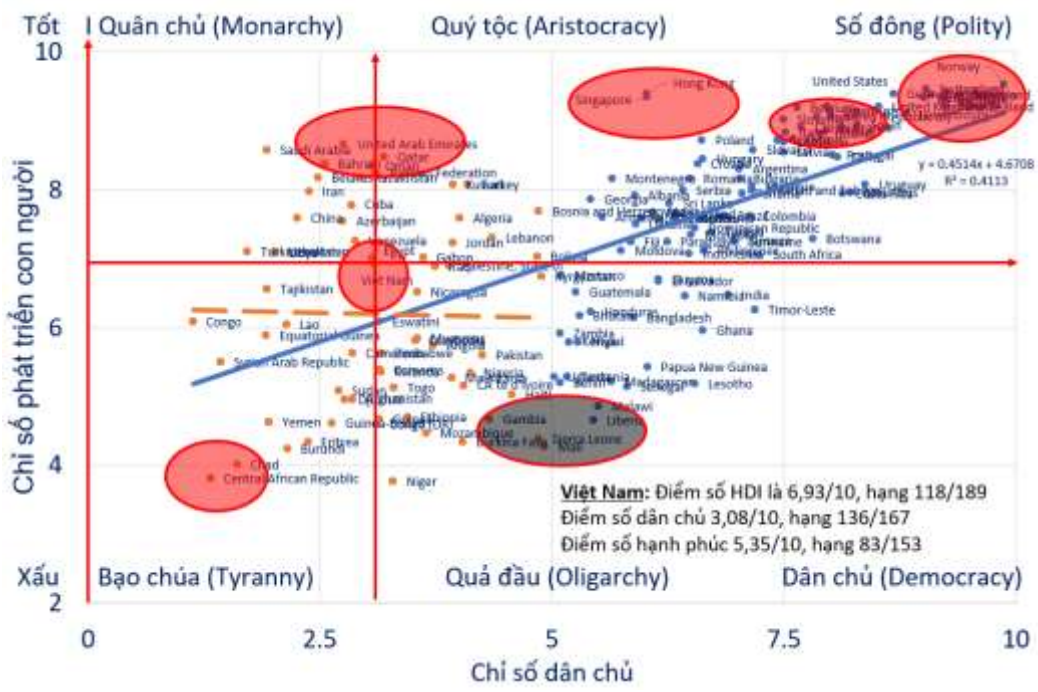
[4] Dân chủ là từ đã quen dùng nên được sử dụng trong bài viết. Đối với mô hình còn lại, từ gốc tiếng Hy Lạp là ὀλιγαρχία, tiếng Anh là oligarchy. Có những phiên bản tiếng Việt khác nhau gồm: chế độ quả đầu, chế độ đầu sỏ, chế độ quyền lực tập trung, chế độ thiểu số cai trị. Để đối xứng với dân chủ và trung dung, quả đầu là phù hợp. Tuy nhiên, thiểu số cai trị dễ hiểu hơn. Do vậy, hai cụm từ này sẽ được dùng trong bài.

này. Tuy nhiên, cho tới giờ, ông cùng các đồng sự mới có một bài nghiên cứu cho thấy dân chủ có tác động tích cực lên GDP bình quân đầu người (Acemoglu et al. 2019), trong khi hầu hết các nghiên cứu khác của ông và những người khác trước đó đều không đưa ra được các bằng chứng thuyết phục.

Thêm vào đó, KTTT và dân chủ đang bộc lộ những khiếm khuyết ở ngay tại các nước phát triển. Đang có những tranh luận về chúng (Fukuyama và Davidson 2020). Dani Rodrik (2018) chỉ ra rằng không thể phủ nhận rằng KTTT đã tạo ra nhiều thành quả cho sự phát triển, nhưng rõ ràng nó đang có những trục trặc nghiêm trọng. Sự chia rẽ về kinh tế và xã hội ở nhiều nơi đang gây ra những xáo trộn từ Mỹ, Đức, Ý đến các nước đang phát triển như Philippines và Brazil. Những biến động chính trị này cho thấy cách nhìn nhận về vai trò của KTTT không còn hoàn toàn phù hợp. Joseph Stiglitz (2018) thì nhận xét: *"Những điều lý tưởng của người Mỹ về tự do, dân chủ, và công lý cho tất cả mọi người chưa bao giờ trở thành hiện thực đầy đủ; Dân chủ đã trở thành (sở hữu) của, do và vì một số ít và công lý cho tất cả giờ chỉ dành cho những người da trắng và những ai có khả năng mua nó."* Mô hình dân chủ này đang bị lũng đoạn bởi những chính trị gia dân túy gây chia rẽ và sự thù hằn.

Hình 2 minh họa mối quan hệ giữa Chỉ số dân chủ của *Economist* và Chỉ số phát triển con người (HDI) của UNDP. Hai chỉ số này tương quan dương, nhưng không quá chặt (hệ số tương quan chỉ là 0,41). Phân nhóm các nước có chỉ số dân chủ dưới 5 (đường ngãy khúc) thì tương quan lại âm với độ dốc và hệ số tương quan rất thấp (~0). Phân ra các nhóm nhỏ hơn hoặc nhìn cụ thể từng quốc gia, có những nước HDI cao, nhưng chỉ số dân chủ thấp và ngược lại.

Hình 2. Mối quan hệ giữa dân chủ và phát triển



Nguồn: Tác giả vẽ từ số liệu của của UNDP và Economist

Đặt các mô hình nhà nước của Aristotle vào đồ thị trên cho thấy một cách nhìn khác so với cách nhìn dân chủ (tốt) - không dân chủ (xấu), hoặc dân chủ là mô hình chính quyền duy nhất tốt như cách nghĩ phổ biến trên thế giới. Edward Clayton (2004) chỉ ra rằng: *"Người phương Tây thường nghĩ rằng dân chủ là một mô hình chính quyền tốt – có lẽ là mô hình chính quyền tốt duy nhất – tuy nhiên Aristotle xem đó là một trong những mô hình hỏng (cho dù nó ít tệ nhất trong ba mô hình tệ)."* Có những cách thức khác nhau để đạt được mục tiêu đi đến phát triển và văn minh. Na Uy nói riêng, các nước bắc Âu nói chung hiện nay gần với mô hình tối hảo (polity) của Aristotle. Đây cũng là cái đích nhiều nước hướng tới. Tuy nhiên, một số khác như Singapore chẳng hạn cũng trở thành quốc gia phát triển với mô hình thiểu số cai trị thu hút được tài năng như ông Lý Quang Diệu đã nói: *"Không có cách nào khác để vận hành một đất nước tốt hơn là dùng người giỏi nhất cho công việc khó khăn nhất"* (Allison et al., 2013). Chỉ số phát triển con người của đảo quốc này nằm trong nhóm 10 thế giới, nhưng chỉ số dân chủ xếp hạng 73. Không có quốc gia châu Á nào thuộc nhóm dân chủ đầy đủ. Hàn Quốc và Nhật Bản có hai chỉ số này rất gần với Mỹ - xếp hạng 15 thế giới về HDI và 25 về chỉ số dân chủ.

Đối với các nước đang phát triển, từ sau Thế chiến thứ hai (nhất là sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc), nhiều nơi đã đi theo con đường của các nước phương Tây (đặc biệt là Mỹ). Tuy nhiên, kết quả không như kỳ vọng. Nỗ lực xây dựng mô hình dân chủ gắn với tam quyền phân lập đã trở thành thiểu số cai trị tồi tệ ở rất nhiều quốc gia. Trái lại, số ít thành công đã xuất phát từ giai đoạn thiểu số cai trị dựa vào tài năng để đưa nền kinh tế trở nên phát triển cùng với sự nảy nở của dân chủ. Philippin và Hàn Quốc là hai điển hình trái ngược.

Khi có được độc lập vào nửa cuối thập niên 1940, cả hai đã hình thành các chế độ dân chủ với sự hậu thuẫn của Mỹ. Tuy nhiên, kết quả sau hơn một thập kỷ là những chế độ bất tài và tham nhũng. Kể từ thập niên 1960, hai nước đã đi hai con đường trái ngược nhau.

Năm 1961, Park Chung-hee đã tiến hành cuộc đảo chính, lập ra chế độ độc tài do những người có năng lực lãnh đạo. Chính quyền của ông Park đã tận dụng mối quan hệ với Mỹ để phát triển đất nước chứ không bị phụ thuộc (Kim and Vogel 2011). Ông và các đồng sự của mình biết Mỹ cần gì và cũng biết Hàn Quốc cần gì từ đồng minh Mỹ để tận dụng các cơ hội và phát triển theo cách riêng của mình. Thêm vào đó, các phong trào dân chủ luôn có sức sống ở Hàn Quốc. Kết quả Hàn Quốc đã trở thành nước phát triển và dân chủ đến mức mà Tổng thống đương nhiệm cũng bị phế truất.

Trong khi Park Chung-hee bị chỉ trích và Hàn Quốc đối mặt với khó khăn thì Ferdinan Marcos được ca tụng lên tận mây xanh với một Philippin gặp nhiều thuận lợi (Kim and Vogel 2011). Con đường trở thành người quyền lực nhất đất nước của Marcos từng được xem là hình mẫu thành công của việc xuất khẩu mô hình Mỹ. Ông theo học trường luật, sau đó hành nghề luật sư, trở thành đại biểu quốc hội, Chủ tịch quốc hội, và cuối cùng là Tổng thống. Tuy nhiên, kết quả trái ngược với ông Park. Marcos trở thành tội đồ của Phillipines. Thuật ngữ *tư bản thân hữu* xuất hiện để mô tả thời của ông ta. Tổ chức Minh bạch đã xếp Marcos là kẻ cướp của công thứ hai thế giới (sau Suharto) (Economist 2007). Giờ đây Philippin thực chất là nằm trong tay các nhóm

nhỏ thân hữu, vơ vét cho cá nhân gây ra bao điều bất công cho xã hội với một tổng thống cho phép thuộc cấp của mình xử tử người dân không qua quá trình tư pháp.

Kết luận

Lịch sử đã chỉ ra khi Việt Nam đóng cửa hay tiếp thu mô hình từ bên ngoài một cách máy móc và vội vã, nhất là khi bị chi phối bởi các nước khác, thì dẫn đến trục trặc. Trái lại, khi biết lựa chọn và chắt lọc thì mang lại kết quả tích cực. Việt Nam vẫn đang loay hoay trong việc lựa chọn đường đi là do thiếu vắng một môi trường cho những thảo luận dân chủ, dựa trên khoa học; và chưa tập hợp được trí tuệ chung của tất cả những người quan tâm đến vấn đề này.

Dân chủ và phát triển là cái đích hướng tới của mỗi quốc gia, nhưng vấn đề là làm thế nào để đạt được cả hai. Nhiều nước đang phát triển đã đi theo mô hình dân chủ phương Tây với mong muốn trở nên phát triển và văn minh. Tuy nhiên, kết cục là thiểu số cai trị tệ hại. Trái lại, một số quốc gia có được sự thành công với chế độ thiểu số cai trị được khai sáng dựa trên tài năng. Trong giai đoạn cất cánh, điều cần thiết đối với một quốc gia là khuyến khích nhiều người cùng chung tay để xây dựng đất nước chứ không phải là trói và canh chừng lẫn nhau. Do vậy, mô hình dân chủ với tam quyền phân lập của Montesquieu (kiểm soát quyền lực và trói lẫn nhau) thường dẫn đến trục trặc với các nước đang phát triển (đấu đá tranh giành quyền lực vì lợi ích phe nhóm thay vì lợi ích quốc gia). Chính quyền dựa vào tài năng của Aristotle có lẽ là phù hợp và thực tế hơn.

Mô hình thiểu số cai trị của Việt Nam tuy có những điểm tích cực, nhưng còn nhiều trục trặc. Từ kinh nghiệm của các nước cho thấy, thu hút được những người có khả năng tham gia vào việc quản trị quốc gia là một vấn đề then chốt đối với Việt Nam. Muốn có được điều này, bản thân ĐCSVN cần phải có những cải cách cần thiết (tạo sự cạnh tranh bên trong và áp lực từ người dân) nhằm tạo ra sức hút của mình theo nguyên tắc *"người thổi sáo hay nhất được trao cây sáo tốt nhất"* như Aristotle đã nêu ra cách đây gần 2400 năm.

Để có thể tập hợp trí tuệ nhằm hình dung ra con đường phát triển, Việt Nam cần tạo dựng một môi trường trao đổi dân chủ và cởi mở. Cuộc thảo luận nên xoay quanh việc thu hút tài năng nêu trên và tạm gác lại các vấn đề khó luận giải, gây chia rẽ và đối đầu. Cụ thể, ĐCSVN có thể dùng khái niệm KTTT định hướng XHCN làm thông điệp chính trị với giải thích là để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng văn minh. Việc luận giải nên tập trung vào cách thức đạt được mục tiêu như vậy, thay vì theo hướng khó có đường ra. Đối với những người có thành ý muốn chung tay để tìm ra con đường Việt Nam, không nên cứ bám riết vào "con ngáo ộp không có". "*Đâu phải chỉ nguyên tắc dân chủ là làm nên dân chủ! Bao nhiêu "tam quyền phân lập" trên thế giới chỉ cốt để làm nên dân chủ giả cầy.*" như lời của Giáo sư Cao Huy Thuần (2019) nhận xét về Mỹ - mô hình đã từng được tán dương, tạo cảm hứng cho nhiều nước đang phát triển.

Cuối cùng, tôi đồng ý với góc nhìn của ông Trần Việt Phương (2008) rằng: *"Giải pháp cho Việt Nam phải là một giải pháp Việt Nam, con đường của Việt Nam phải là con đường Việt Nam, phù hợp với xu thế chung của loài người và chiều hướng tiến bộ của thời đại*." Con đường Việt Nam nên do tất cả người Việt cùng tìm ra nó, phù hợp với

văn hóa và truyền thống dân tộc, với các quy luật trở nên phát triển mà nhiều quốc gia đã đi thành công, không phải có những hy sinh quá lớn như trong quá khứ. Nhà nước có vai trò quyết định trong cuộc kiếm tìm này. Rất mong nỗ lực của những người có thành ý không phải là *"tiếng vạc kêu sương trong đêm dài"* như lời kết trong tham luận với tiêu đề *"Chừng mực"* của giáo sư Cao Huy Thuần tại Hội thảo Mùa hè 2019.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Acemoglu, Daron, Suresh Naidu, Pascual Restrepo, and James A. Robinson. 2019. "Democracy Does Cause Growth." *Journal of Political Economy* 127(1): 47–100.

Allison, Graham, Robert D. Blackwill, and Ali Wyne. 2013. *Lee Kuan Yew: The Grand Master's Insights on China, the United States, and the World*. MIT Press.

Aristotle. 2006. *Chính Trị Luận*. Học viện công dân.

Buchanan, James M., and Gordon. Tullock. 1962. *The Calculus of Consent : Logical Foundations of Constitutional Democracy*. Liberty Fund.

Buttinger, Joseph. 1968. *Vietnam a Political History*. New York: Praeger.

Cao Huy Thuần. 2005. "Vạn Đại Dung Thân." *Thời Đại Mới* 6.

———. 2019. "Chừng Mực." *Thời đại mới* 38.

Cima, Ronald J. 2002. "Vietnam: Historical Background." In *Vietnam: Current Issues and Historical Background*, ed. V Largo. , 194.

Clayton, Edward W. 2004. "The Audience for Aristotle's Rhetoric." *Rhetorica - Journal of the History of Rhetoric* 22(2): 183–203.

Đặng Phong. 2008. *Tư Duy Kinh Tế Việt Nam*. NXB Thông Tấn.

———. 2009. *Phá Rào*. NXB Thông Tấn.

Đào Xuân Sâm và Vũ Quốc Tuấn. 2008. *Đổi Mới ở Việt Nam: Nhớ Lại và Suy Ngẫm*. Tri Thức.

Diễm Thị. 2020. "Kiên Định 'Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa' vì Không Muốn Phải Nhận Sai Lầm." *RFA*. https://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/why-does-vietnam-have-to-stick-to-socialist-orientation-dt-06102020140318.html (September 17, 2020).

Đỗ Hoài Nam. 2013. "Phát Triển Nền Kinh Tế Thị Trường Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa ở Việt Nam." *Tạp chí Cộng sản*. http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2013/22900/Phat-trien-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu.aspx.

Doumer, Paul. 2016. *Xứ Đông Dương*. Alphabook.

Duiker, William J. 1995. *Vietnam: Revolution in Transition*. Boulder - San Francisco - Oxford: Westview Press.

Economist. 2007. "King of the Kleptocrats." *Economist*. https://www.economist.com/asia/2007/07/11/king-of-the-kleptocrats (February 1, 2017).

Fukuyama, Francis, and Charles Davidson. 2020. "Francis Fukuyama on Political Decay in Democratic Societies - The American Interest." *American Interest*.

Hardin, Garrett. 1968. "The Tragedy of the Commons." *Science* 162(5364): 1243–48.

Huỳnh Thế Du. 2013. "Luận Giải Kinh Tế Thị Trường Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa

ở Việt Nam." *Thời Đại Mới* 29.
Kim, Byung-Kook, and Ezra F. Vogel. 2011. *The Park Chung Hee Era: The Transformation of South Korea*. Harvard University Press.
Largo, V. 2002. *Vietnam: Current Issues and Historical Background*. New York: Nova Science Publishers Inc.
Lê Hiệp. 2020. "Quá Độ Lên Chủ Nghĩa Xã Hội Bao Lâu, Có Mấy Chặng Đường Cần Tiếp Tục Làm Rõ." *Thanh Niên*. https://thanhnien.vn/thoi-su/qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-bao-lau-co-may-chang-duong-can-tiep-tuc-lam-ro-1235976.html (September 17, 2020).
Lê Hữu Nghĩa. 2020. "Phê Phán Một Số Quan Điểm Xuyên Tạc, Phủ Nhận Chủ Nghĩa Mác - Lê-Nin." *Tạp chí Cộng sản*. http://tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/phe-phan-mot-so-quan-diem-xuyen-tac-phu-nhan-chu-nghia-mac-le-nin (September 17, 2020).
Miller, Edward. 2013. *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*. Harvard University Press.
Nguyễn Đình Cống. 2020. "Một Phê Phán Nhảm Nhí và Thấp Kém." *Viet-studies*. http://www.viet-studies.net/kinhte/NguyenDinhCong_PhePhanLeHuuNghia.html (September 17, 2020).
Nguyễn Khắc Viện. 2007. *Việt Nam Một Thiên Lịch Sử*. Khoa Học Xã Hội.
Nguyễn Phú Trọng. 2013. "Dự Thảo Chưa Vang Vọng Như Lời Hiệu Triệu." *Tuổi Trẻ*. https://tuoitre.vn/du-thao-chua-vang-vong-nhu-loi-hieu-trieu-576098.htm.
———. 2020. "Toàn Văn Bài Viết Của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng về Đại Hội XIII." *Vietnamnet*. https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/toan-van-bai-viet-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-ve-dai-hoi-xiii-670673.html (September 12, 2020).
Nguyen, Thi Lien Hang. 2012. *Hanoi's War: An International History of the War for Peace in Vietnam*. Univ of North Carolina Press.
Nguyễn Văn Thạo. 2020. "Phê Phán Những Nhận Thức Lệch Lạc, Luận Điểm Sai Lầm về Nền Kinh Tế Thị Trường Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa ở Nước Ta." *Tạp chí Cộng sản*. http://www.tapchicongsan.org.vn/tin-dau-tranh-phan-bac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/phe-phan-nhung-nhan-thuc-lech-lac-luan-diem-sai-lam-ve-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-nuoc-ta (September 17, 2020).
Olson, Mancur. 1965. *The Logic of Collective Action*. Harvard University Press.
Ostrom, E. 1965. "Public Entrepreneurship: A Case Study in Ground Water Basin Management." University of Caliofrnia - Los Angeles.
Perkins, Dwight H. 2013. *East Asian Development : Foundations and Strategies*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
Peterson, Paul. 1981. *City Limits*. Chicago: University of Chicago Press.
———. 1995. *The Price of Federalism*. Brookings Institution.
Phạm Vũ. 2013. "30 Năm Của 'Nhóm Thứ Sáu' ." *Tuổi Trẻ Online*. https://tuoitre.vn/30-nam-cua-nhom-thu-sau-560942.htm (September 23, 2020).
Rajan, Raghuram. 2019. *The Third Pillar: How Markets and the State Leave the Community Behind*. Penguin Random House.
Rodrik, Dani. 2018. "Reclaiming Community." *Project Syndicate*. https://www.project-syndicate.org/commentary/economists-focus-on-markets-too-narrow-by-dani-rodrik-2018-11?barrier=accesspaylog (August 12, 2020).

Stiglitz, Joseph E. 2018. "Can American Democracy Come Back?" *Project Syndicate*. https://www.project-syndicate.org/commentary/american-democracy-under-attack-midterms-by-joseph-e-stiglitz-2018-11?barrier=accesspaylog (August 12, 2020).

Thai Duy. 2008. "From Contracting to Autonomous Farming Household." In *Renovation in Vietnam: Remember and Rethinking*, eds. X.S Dao and Q.T Vu.

Trần, Hữu Dũng. 2006. "Vốn Xã Hội và Phát Triển Kinh Tế." In *Hội Thảo về Vốn Xã Hội và Phát Triển*,.

Trần Trọng Kim. 1919. *Việt Nam Lược Sử*. https://www.sachhayonline.com/tua-sach/viet-nam-su-luoc.

Trần Việt Phương. 2008. "Con Đường Vinh Quang và Khổ Ải." In *Đổi Mới ở Việt Nam: Nhớ Lại và Suy Ngẫm*, eds. Xuân Sâm Đào and Quốc Tuấn Vũ.

Vũ Ngọc Hoàng. 2017. "Kinh Tế Thị Trường và Kinh Tế Tư Nhân." *Vietnamnet*.

———. 2020. "90 Năm Ngày Truyền Thống Ngành Tuyên Giáo: Tuyên Giáo Phải Nhằm Khai Hóa Văn Minh Cho Dân Tộc ." *Thanh Niên*. https://thanhnien.vn/thoi-su/90-nam-ngay-truyen-thong-nganh-tuyen-giao-tuyen-giao-phai-nham-khai-hoa-van-minh-cho-dan-toc-1259181.html (September 22, 2020).

Vu, Thanh Tu Anh. 2017. "Does WTO Accession Help Domestic Reform? The Political Economy of SOE Reform Backsliding in Vietnam." *World Trade Review* 16(01): 85–109.

Vu, Tuong. 2017. *Vietnam's Communist Revolution: The Power and Limits of Ideology*. Cambridge University Press.

Winters, Jeffrey A., and Benjamin I. Page. 2009. "Oligarchy in the United States?" *Perspectives on Politics* 7(4): 731–51.